

Số: /QĐ-UBND

Phước Sơn, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
công trình: KCHKM tuyến TL640- Trại chăn nuôi & cống Ô Định
(TL640-Tr chăn nuôi-cống ô Định)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ủy quyền, phân cấp phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án

- Tên dự án hoàn thành: KCHKM tuyến TL640- Trại chăn nuôi & cống Ô Định (TL640-Tr chăn nuôi-cống ô Định)
- Mã dự án: 8080820
- Quy mô xây dựng: 405,01m
- Chủ đầu tư: UBND xã Phước Sơn
- Địa điểm xây dựng: Thôn VXuân Phương
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Từ ngày 01/01/2024-30/08/2024.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

S TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án (dự án thành phần, tiểu dự án độc lập) được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	1.191.150.000	1.167.231.000
1	Xây dựng	937.093.000	937.093.000
2	Xi măng hỗ trợ	72.935.000	111.202.000
3	Quản lý dự án	16.479.000	16.479.000
4	Tư vấn	102.457.000	102.457.000
5	Chi phí khác	9.457.000	4.922.000
6	Dự phòng	52.729.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	TMDT dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, hoặc DT công trình, hạng mục công trình được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện		
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số	1.191.150.000	1.167.231.000	499.202.000	668.029.000	
1. Vốn đầu tư công	1.191.150.000	1.167.231.000	499.202.000	668.029.000	
1.1. Ngân sách nhà nước	1.191.150.000	1.167.231.000	499.202.000	668.029.000	
- Vốn NS Trung ương					
+ Vốn trái phiếu Chính phủ					
+ Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ					
- Vốn ngân sách địa phương	1.191.150.000	1.167.231.000	499.202.000	668.029.000	
1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư					

theo quy định của pháp luật					
2. Vốn khác nếu có					
2.1. Vốn....					
2.2. Vốn.....					

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	1.167.231.000			
1. Tài sản dài hạn (TSCĐ)	1.167.231.000			
2. Tài sản ngắn hạn				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản

5. Vật tư thiết bị tồn đọng nếu có

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	1.167.231.000	
1. Nguồn vốn đầu tư công	1.167.231.000	
1.1. Ngân sách nhà nước	1.167.231.000	
- Vốn NS Trung ương		
+ Vốn hỗ trợ có mục tiêu và CTMTQG		
+ Vốn trái phiếu Chính phủ		
+ Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ		
- Vốn ngân sách địa phương	1.167.231.000	
+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ	499.202.000	
+ Vốn ngân sách huyện hỗ trợ từ tiền đấu giá đất	668.029.000	
+ Vốn ngân sách xã	0	
1.2. Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật		
2. Nguồn vốn khác (nếu có)		
2.1. Vốn.....		
2.2. Vốn.....		

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: **668.029.000đồng.**

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 668.029.000đồng

Trong đó:

- Chi Giá trị xây lắp : 549.093.000 đồng;
- Chi phí Tư vấn thiết kế : 66.974.000 đồng;
- Chi phí Tư vấn giám sát : 26.241.000 đồng;
- Chi quản lý dự án : 16.479.000 đồng;
- Chi phí quyết toán : 4.922.000 đồng;

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND xã Phước Sơn	1.128.964.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Căn cứ số liệu đã được phê duyệt, các đơn vị có liên quan thực hiện hạch toán, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng dự án hoàn thành theo đúng quy định.

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có):

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Văn phòng – Thống kê, công chức Tài chính – Kế toán ngân sách xã, các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Tôn Kỳ Hải